TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **82**/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà ***Phương Thảo***

Thư ký phiên họp: Ông ***Ngô Minh Quang***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà ***Nguyễn Như Q*** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, công nhận thỏa thuận về giao nuôi con sau khi ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 79/2025/QĐPH-ST ngày 18.3.2025, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà ***Lê Thị T***; sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 001185****** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/6/2023; Nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Y - K – K -4-21-17, Japan; Quốc tịch: Việt Nam.

2. Ông ***Lê Trọng T1***; sinh năm 1987; Căn cước công dân số: 034087****** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/11/2023; Nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Số điện thoại: 0988******; Quốc tịch: Việt Nam.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1 đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 30 tháng 03 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến đầu năm 2020 cả hai phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, xa cách về địa lý, không có thời gian gần nhau gây ảnh hưởng sứt mẻ tình cảm

vợ chồng. Hai bên xác cùng xác định tình cảm không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1 có 02 con chung là: Lê Trọng Minh Đ; sinh ngày: 24/11/2014; Giới tính: nam và Lê Linh N; sinh ngày: 21/01/2012; Giới tính: nữ.

Hai bên thỏa thuận giao con chung Lê Trọng Minh Đ cho ông Lê Trọng T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Linh N1 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết ly hôn: ông Lê Trọng T1 tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định.

Do khoảng cách địa lý, điều kiện công việc, bà Lê Thị T không thể về Việt Nam, có nguyện vọng xin giải quyết vắng mặt. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vắng mặt và bản tự khai của bà Lê Thị T có chứng thực chữ ký của Đ1 tại Nhật Bản.

Tại phiên họp, ông Lê Trọng T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, giao nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

* Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

* Về nội dung: Bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1 kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến đầu năm 2020 cả hai phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không

hòa hợp, xa cách về địa lý, không có thời gian gần nhau gây ảnh hưởng sứt mẻ tình cảm vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay vợ chồng đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện nên ghi nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1 có 02 con chung là: Lê Trọng Minh Đ; sinh ngày: 24/11/2014; Giới tính: nam và Lê Linh N; sinh ngày: 21/01/2012; Giới tính: nữ.

Hai bên thỏa thuận giao con chung Lê Trọng Minh Đ cho ông Lê Trọng T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Linh N1 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sự thỏa thuận của các đương sự về giao nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu giải quyết.

Về lệ phí: ông Lê Trọng T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 29, Điều 35, Điều 370, Điều 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1.

2. Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1 có 02 con chung là: Lê Trọng Minh Đ; sinh ngày: 24/11/2014; Giới tính: nam và Lê Linh N; sinh ngày: 21/01/2012; Giới tính: nữ.

Giao con chung Lê Trọng Minh Đ cho ông Lê Trọng T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Lê Linh N1 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà Lê Thị T và ông Lê Trọng T1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu giải quyết.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án dân sự khác (nếu có).

4. Về lệ phí: ông Lê Trọng T1 chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0079076 ngày 18/3/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Lê Trọng T1 đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/3/2025.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. TP. Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phương Thảo